



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Lớp p: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Quản trị chuỗi cung ứng (208472-03)
CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	11222003	PHẠM BÌNH AN	30/03/93					✓
2	11222002	VƯƠNG THÀNH AN	28/04/89					✓
3	11222004	TRẦN THỊ LAN	10/06/88		6	Sáu	Wang	
4	11223001	NGUYỄN THỊ HỒNG	25/11/87		7	Bảy	Jim	
5	11223003	DƯƠNG THỊ	31/12/85		8	Tám	Wang	
6	11222006	LÊ DIỄM	19/03/91		7	Bảy	Ch	
7	11222005	VÕ CHÍ	20/12/86		6	Sáu	Long	
8	11222007	NGUYỄN THỊ HÀ	28/05/81					✓
9	11222008	LÊ LONG HƯƠNG	05/12/92		7	Bảy	Wang	
10	11222009	NGUYỄN HOÀNG DUY	23/07/85		6	Sáu	Wang	
11	11222010	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN T	12/08/82		6	Sáu	Wang	
12	11222001	LÊ QUANG	20/07/85					✓
13	11222014	MAI XUÂN	02/07/88					✓
14	11222011	ĐINH THỊ	02/02/93		7	Bảy	Wang	
15	11222012	LÊ NGỌC	09/05/89					✓
16	11223006	ĐẶNG HIẾU	20/11/89					✓
17	11223008	ĐINH THỊ	10/10/87		6	Sáu	Wang	
18	11223007	NGUYỄN VĂN	02/09/92		5	Năm	Wang	
19	11222015	ĐÀO THỊ	10/06/90					✓
20	11222018	NGUYỄN HỮU	20/11/87					✓
21	11223010	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	11/08/93					✓
22	11222019	TRẦN THỊ BÍCH	03/04/82					✓
23	11222017	NGUYỄN HỮU	20/05/83					✓
24	11222016	PHAN TÂN	15/02/87		6	Sáu	Wang	
25	11222013	LÊ THỊ MAI	09/06/75		5	Sáu	Wang	
26	11223004	PHẠM THỊ	02/12/93		7	Bảy	Wang	
27	11222021	PHẠM HOÀNG MINH	22/06/83		6	Sáu	Wang	
28	11222020	NGUYỄN BÁ	22/09/89		5	Năm	Wang	
29	11222022	VÕ BÉ	08/05/85		6	Sáu	Wang	
30	11223012	TRƯƠNG THỊ CHÂU	06/02/88		8	Tám	Wang	
31	11223011	HỒ QUỐC	10/06/86					✓
32	11222023	LÊ PHÚC	26/08/83		6	Sáu	Wang	
33	11222024	BÙI QUANG	07/09/80		5	Năm	Wang	

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp p: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Quản trị chuỗi cung ứng (208472-03)
CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
34	11222026	PHAN THI LIÊN	17/02/86		7	Bảng	LM	
35	11222028	TRƯƠNG THỊ LIÊU	24/09/86					✓
36	11222027	LÊ VĂN LINH	04/11/88		7	Bảng	212	
37	11222030	LÊ THỊ PHỤNG LOAN	13/08/74					✓
38	11222029	TRẦN HOÀNG NGỌC LOAN	01/12/89					✓
39	11222031	PHO PHI LONG	18/01/79		7	Bảng	Phong	
40	11222025	TRẦN XUÂN LỘC	27/09/88		5	Năm	Phu	
41	11222033	NGUYỄN VÕ KIM NGÂN	17/09/82					✓
42	11223017	PHẠM THỊ HOÀI NGHIÊM	15/12/82		6	Sáu	Phu	
43	11223015	HUỲNH THỊ NGỌC	01/05/92					✓
44	11222032	NGUYỄN VĂN NGÔ	02/09/87					✓
45	11222034	HÀ VĂN NGUYỄN	07/02/76		7	Bảng	Phong	
46	11222035	TRƯƠNG VĂN NGUYỄN	01/01/92					✓
47	11223018	CAO THỊ NHÂM	07/03/81					✓
48	11222036	TRƯƠNG THỊ THANH NHIÊN	03/11/80		7	Bảng	Thanh	
49	11222037	ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	01/11/89		6	Sáu	Phu	
50	11222038	ĐẶNG BÍCH PHƯƠNG	26/12/88		6	Sáu	Phu	
51	11222040	LÊ DUY PHƯƠNG	08/11/89					✓
52	11223020	NGUYỄN THỊ YẾN PHƯƠNG	03/01/93		6	Sáu	Phu	
53	11222039	TRẦN THÀNH PHƯƠNG	05/08/88		6	Sáu	Phu	
54	11222041	TRẦN THỊ TRÚC PHƯƠNG	25/05/87					✓
55	11222061	ĐỖ KIM PHƯƠNG	25/10/83					✓
56	11222042	NGUYỄN HỒNG SON	08/11/76					✓
57	11222043	PHAN CHÍ TÂM	10/05/84		7	Bảng	Phu	
58	11222044	NGUYỄN VĂN TÂY	24/11/85					✓
59	11223023	NGUYỄN THỊ THANH TẾ	02/10/90		8	Tám	Phu	
60	11222050	NGUYỄN TẤN THANH	28/01/80					✓
61	11222046	DƯƠNG MINH THÀNH	01/06/86		3	Ba	Phu	
62	11222045	ĐẶNG NGỌC THÀNH	11/09/85		6	Sáu	Phu	
63	11222047	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	15/08/83		7	Bảng	Phu	
64	11222048	TRẦN CÔNG THÀNH	08/10/76		6	Sáu	Phu	
65	11222049	NGUYỄN THỊ THẢO	25/08/89		8	Tám	Phu	
66	11222051	NGUYỄN NGỌC THIÊM	12/11/83		8	Tám	Phu	
67	11223021	VÕ THỊ HỒNG THƠ	/ /92					✓
68	11222052	TRẦN NGỌC THUẬN	25/06/87					✓

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp p: TC11QTTD (Quản trị kinh doanh Thủ Đức)
Môn Học: Quản trị chuỗi cung ứng (208472-03)
CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
69	11223022	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	22/12/93	7	Bảng		
70	11222055	TRẦN VĂN	TIẾN	23/05/86	5	Nam		
71	11222056	HUỖNH PHAN ANH	TRANG	23/03/93				✓
72	11223024	LƯU THỊ HUYỀN	TRẦN	12/02/83	6	Sau		
73	11223025	PHAN THỊ HUYỀN	TRẦN	08/04/92	7	Bảng		
74	11222058	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	21/04/90				✓
75	11222057	PHẠM MINH	TRỌNG	19/08/80				✓
76	11223026	ĐOÀN NHẬT	TRƯỜNG	24/11/93	7	Bảng		
77	11223027	NGUYỄN VINH	TUẤN	15/02/92				✓
78	11222053	PHAN VĂN	TƯỢNG	02/08/82				✓
79	11223030	ĐỖ THỊ THÚY	VÂN	16/04/89	8	Tam		
80	11223031	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	04/11/86	8	Tam		
81	11222059	VŨ QUANG	VỸ	20/09/91				✓
82	11222060	VĂN CÔNG	Ý	03/11/88	7	Bảng		

In Ngày 31/10/14

Ngày 10 Tháng 01 Năm 2015

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

NGÔ MINH THANH

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 31/10/14

TP.HCM, Ngày 31 tháng 10 năm 2014

Tiến Hoàng Nam